

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1778/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2023 - 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;*

*Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 208/TTr-SNV ngày 28 tháng 9 năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2023 - 2025, cụ thể như sau:

1.1. Điều chỉnh nội dung ví dụ tại điểm 1.2 thuộc mục 1 (Đánh giá phân loại chỉ số cải cách hành chính), Phần IV (Đánh giá phân loại và công bố chỉ số cải cách hành chính) của Quyết định số 1416/QĐ-UBND, từ: “Ủy ban nhân dân huyện A có điểm chỉ số cải cách hành chính là 95 điểm (điểm thuộc loại đơn vị xuất sắc) nhưng số đơn vị cấp xã trực thuộc được đánh giá loại xuất sắc không đạt 2/3 trên tổng số đơn vị cấp xã thì chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân huyện A chỉ được loại đơn vị tốt” thành: “Ủy ban nhân dân huyện A có điểm chỉ số cải cách hành chính là 95 điểm (điểm thuộc loại đơn vị tốt) nhưng số đơn vị cấp xã trực thuộc được đánh giá loại tốt không đạt 2/3 trên tổng số đơn vị cấp xã thì chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân huyện A phải xếp loại xuống loại thấp liền kề - chỉ được xếp loại đơn vị khá”.

1.2. Điều chỉnh nội dung tiêu chí thành phần 3.5.3 (Đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị) tại Phụ lục 01 (Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính cấp sở), từ: “Báo cáo đúng quy định/điểm đánh giá từ tốt trở lên: 1,00 điểm; báo cáo quá thời gian quy định/điểm đánh giá ở mức khá: 0,50 điểm; không có báo cáo/điểm đánh giá ở mức trung bình: 0” thành: “Kết quả đánh giá từ 90 đến 100 điểm (đạt loại xuất sắc): 1,00 điểm; kết quả đánh giá từ 80 đến dưới 90 điểm (đạt loại tốt): 0,50 điểm; kết quả đánh giá từ 70 đến dưới 80 điểm (đạt loại khá): 0,25 điểm; kết quả đánh giá từ 50 đến dưới 70 điểm (đạt loại trung bình): 0,125 điểm; kết quả đánh giá dưới 50 điểm (đạt loại yếu): 0 điểm”.

1.3. Điều chỉnh nội dung tiêu chí thành phần 3.5.2 (Đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị) tại Phụ lục 02 (Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính Ủy ban nhân dân cấp huyện), từ: “Báo cáo đúng quy định/điểm đánh giá từ tốt trở lên: 2,00 điểm; báo cáo quá thời gian quy định/điểm đánh giá ở mức khá: 1,00 điểm; không có báo cáo/điểm đánh giá ở mức trung bình: 0” thành: “Kết quả đánh giá từ 90 đến 100 điểm (đạt loại xuất sắc): 2,00 điểm; kết quả đánh giá từ 80 đến dưới 90 điểm (đạt loại tốt): 1,50 điểm; kết quả đánh giá từ 70 đến dưới 80 điểm (đạt loại khá): 1,00 điểm; kết quả đánh giá từ 50 đến dưới 70 điểm (đạt loại trung bình): 0,5 điểm; kết quả đánh giá dưới 50 điểm (đạt loại yếu): 0 điểm”.

1.4. Điều chỉnh nội dung tiêu chí thành phần 3.5.2 (Đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị) tại Phụ lục 03 (Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính Ủy ban nhân dân cấp xã), từ: “Báo cáo đúng quy định/điểm đánh giá từ tốt trở lên: 2,00 điểm; báo cáo quá thời gian quy định/điểm đánh giá ở mức khá: 1,00 điểm; không có báo cáo/điểm đánh giá ở mức trung bình: 0” thành: “Kết quả đánh giá từ 90 đến 100 điểm (đạt loại xuất sắc): 2,00 điểm; kết

quả đánh giá từ 80 đến dưới 90 điểm (đạt loại tốt): 1,50 điểm; kết quả đánh giá từ 70 đến dưới 80 điểm (đạt loại khá): 1,00 điểm; kết quả đánh giá từ 50 đến dưới 70 điểm (đạt loại trung bình): 0,5 điểm; kết quả đánh giá dưới 50 điểm (đạt loại yếu): 0 điểm”.

1.5. Điều chỉnh nội dung tiêu chí thành phần 7.5.2 (Phát triển các ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức) tại Phụ lục 01 (Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính cấp sở), từ: “70% đến dưới 80% số thủ tục hành chính thì tính theo công thức: 1,00 điểm” thành: “từ 70% đến dưới 80%: 1,00 điểm”.

1.6. Điều chỉnh nội dung về điểm của tiêu chí 4.1 (Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy) tại Phụ lục 02 (Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính Ủy ban nhân dân cấp huyện) từ: “3,0 điểm” thành: “2,0 điểm”.

1.7. Điều chỉnh nội dung tiêu chí 6.3 (Tỉ lệ tiết kiệm chi thường xuyên) tại Phụ lục 03 (Bộ tiêu chí xác định chỉ số cải cách hành chính Ủy ban nhân dân cấp xã) từ: “Tiết kiệm từ 05% đến 10%: 2,00 điểm” thành: “Tiết kiệm từ 05% đến 10%: 1,50 điểm”.

Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Quyết định 1416/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Bình**